

Bản án số: 882/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 25/11/2021  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mỹ Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Hồng – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 0054/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/10/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trương C; địa chỉ: Số A, Đường T, Phường M, quận B, Thành phố H.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn T; địa chỉ: Số H, Đường T, Phường M, quận B, Thành phố H

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2020, bản khai và các biên bản của Tòa án, nguyên đơn là bà Trương C trình bày:* Bà và ông Nguyễn T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận B, Thành phố H theo giấy chứng nhận kết hôn số 30/2013, quyển số 01/2013, ngày 05 tháng 03 năm 2013. Từ khi chung sống đến nay, ông T không đi làm để lo kinh tế cho gia đình. Không những thế, ông T thường xuyên cờ bạc, đá gà, ăn nhậu. Từ đó, vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã. Một số lần ông T còn đánh bà gây thương tích. Bà thường xuyên phải chịu đựng sự bạo hành về thể chất và tinh thần từ ông T. Từ tháng 8/2020

do không chịu đựng được cuộc sống chung này nữa nên bà phải về nhà mẹ ruột để sống. Mặc dù vậy, bà và gia đình bà vẫn bị ông T gây rối, chửi mắng, đe dọa. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm T, cuộc sống không hạnh phúc, không thể hàn gắn tình cảm và kéo dài cuộc sống hôn nhân nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Nguyễn N sinh ngày 16/8/2013. Khi ly thân, ông T và gia đình ông không cho bà được đưa con đi nên hiện nay bé đang ở cùng gia đình ông T. Mặc dù rất muốn được nuôi con nhưng bà lo sợ ông T sẽ tiếp tục đe dọa và đánh chửi bà nếu nuôi con nên bà chấp nhận để ông T tiếp tục nuôi con. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Toà án nhân dân quận Bình Thạnh đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Nguyễn T đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.*

*Đại diện VKSND quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Tuy nhiên còn vi phạm: Vi phạm khoản 1 Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tổng đạt thông báo thụ lý cho các đương sự trễ hạn. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Bà C thường xuyên phải chịu đựng sự bạo hành về thể chất và tinh thần từ chồng. Từ tháng 8/2020 do không chịu đựng được cuộc sống chung này nữa nên bà đã về nhà mẹ ruột để sống. Khi bà C chuyển về nhà mẹ sống thì cơ hội đoàn tụ gia đình không còn. Tòa án đã tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng ông T không có mặt xem như không có nguyện vọng đoàn tụ. Các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 277, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, thấy căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 30/2013, quyển số 01/2013, ngày 05 tháng 03 năm 2013 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận B, Thành phố H cấp thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Trương C và ông Nguyễn T là hợp pháp. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với lý do các bị đơn thiếu trách nhiệm với gia đình, bạo hành về thể chất và tinh thần đối với nguyên đơn. Trong quá trình Tòa giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa để tham gia các phiên hòa giải, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn. Điều đó chứng tỏ bị đơn không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng và xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhận thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng lẫn nhau và cùng mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Hiện mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và trên thực tế, đời sống vợ chồng của các đương sự không còn nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Nguyễn N sinh ngày 16/8/2013 hiện đang do bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn chấp nhận giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng và trẻ Nguyễn N cũng có nguyện vọng được ở với cha. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao trẻ N cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Bà Trương C:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Trương C được ly hôn với ông Nguyễn T.

- Về con chung: Giao cho ông Nguyễn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Nguyễn N sinh ngày 16/8/2013. Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà Trương C phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0089062 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- UBND Phường M, quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thanh**